

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24-5-2019

“Về việc ly hôn, chia tài sản chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Hoàng Khương

2. Bà Phan Thị Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thị T, sinh năm: 1991, địa chỉ: ấp X, xã V, huyện V, tỉnh K; có mặt.

Bị đơn: Anh Danh B, sinh năm: 1983, địa chỉ: ấp H, xã V, huyện V, tỉnh K; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thị T trình bày: Chị và anh B tổ chức lễ cưới ngày 5/4/2018 có giấy chứng nhận kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do anh B ghen tuông, không cho chị tiếp xúc với ai. Đến ngày 17/2/2019 thì vợ chồng mâu thuẫn gay gắt, anh B đánh chị nên chị bỏ nhà đi cho đến nay. Nay chị xin ly hôn; Về con chung: Vợ chồng không có con chung; Về tài sản chung: Vợ chồng có chung 15 chỉ vàng 24k, 5 chỉ vàng 18k, khi ly thân anh B quản lý 3 chỉ vàng 24k, 5 chỉ vàng 18k, chị quản lý 12 chỉ vàng 24k, số vàng này chị đã bán chi xài hết. Nay anh B yêu cầu chia đôi số vàng, chị không thống nhất vì số vàng chị đã chi xài hết, riêng số vàng anh B đang quản lý chị để anh B toàn quyền sử dụng; Về nợ chung: không có

Tại bản tự khai đề ngày 01/4/2019, anh Danh B trình bày: Anh và chị Thị T tổ chức lễ cưới ngày 5/4/2018 có giấy chứng nhận kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn về kinh tế, đến ngày 14/3/2019 thì chị T bỏ đi về nhà cha mẹ ruột ở

cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn, anh đồng ý; Về con chung: không có; Về tài sản chung: Vợ chồng có chung 18,5 chỉ vàng 24k và 16 chỉ vàng 18k gồm: Ngày cưới cha mẹ cho 7,5 chỉ vàng 24k và chồng tự mua 11 chỉ vàng 24k là 1 chiếc vòng 5 chỉ, 2 nhẫn mỗi chiếc 2 chỉ, 2 nhẫn mỗi chiếc 1 chỉ và vợ chồng mua 16 chỉ vàng 18k. Khi ly thân, anh quản lý 3 chỉ vàng 24k và 5 chỉ vàng 18k. Chị T quản lý toàn bộ số vàng cưới 7,5 chỉ vàng 24k, 1 vòng 5 chỉ vàng 24k, 2 nhẫn 3 chỉ vàng 24k, 1 chiếc lắc 11 chỉ vàng 18k. Nay anh yêu cầu chia đôi số vàng, xin nhận 9,25 chỉ vàng 24k và 8 chỉ vàng 18k. Hiện anh đang quản lý 3 chỉ vàng 24k và 5 chỉ vàng 18k, yêu cầu chị T giao lại 6,25 chỉ vàng 24k và 3 chỉ vàng 18k, số còn lại chị T toàn quyền sử dụng. Tại phiên hòa giải, anh B xin rút yêu cầu chia tài sản chung đối với chị T.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Danh B; Về con chung: không có; Về tài sản chung: Do anh B xin rút yêu cầu chia tài sản chung, chị T thống nhất nên đình chỉ xét xử yêu cầu này của anh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Danh B có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh B tự nguyện kết hôn vào năm 2018 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Về nguyên nhân xin ly hôn theo chị T trình bày do vợ chồng không hiểu nhau, thường xuyên bất đồng, cuộc sống không hạnh phúc. Anh B cũng thống nhất mâu thuẫn như chị T trình bày, anh B đồng ý ly hôn. Xét thấy: Mâu thuẫn của anh chị là có thật và được chính quyền địa phương xác nhận, anh chị đã được động viên hàn gắn nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được. Hơn nữa, nghĩa vụ của vợ chồng là yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và nghĩa vụ sống chung với nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng anh chị hiện nay không còn thực hiện các nghĩa vụ đó và đã ly thân. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung: Anh B xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, chị T cũng thống nhất nên đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của anh B.

[5] Về nợ: Không có.

[6] Về án phí DSST: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T là nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định là 300.000 đồng được khấu trừ vào số

tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0000044 ngày 20/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- 1- Về hôn nhân: Chị Thị T được ly hôn với anh Danh B.
- 2- Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của anh B đối với chị T.
- 3- Về án phí DSST: Chị T chịu án phí là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0000044 ngày 20/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Hoàn trả cho anh Danh B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.309.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0000065 ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

- 4- Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Bình Bắc;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kiều Diễm